CTCP An Tiến Industries (HSX: HII)

FireAnt

Ngày 31/12/2024	4,450 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.5%	**-7.5%**	**-27.0%**

2024

ROE 0.3%

+/- YoY ▼ 7.2%

Q4/24

DT thuần 2,044 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 212 ▲ 11.6%

YoY ▲ 566 ▲ 38.3%

2024

DT thuần 7,206 *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 676 ▼ 8.6%

Q4/24

LN gộp 152 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 15.0 ▲ 10.9%

YoY ▲ 53.9 ▲ 54.9%

2024

LN gộp 547 *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 128 ▲ 30.4%

Q4/24

LN thuần -13.0 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 15.2 ▲ 53.8%

YoY ▼ 31.2 ▼ 172%

2024

LN thuần 24.4 *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 53.0 ▼ 68.5%

Q4/24

LN sau thuế -16.0 *tỷ VNĐ*

QoQ ▲ 5.20 ▲ 24.6%

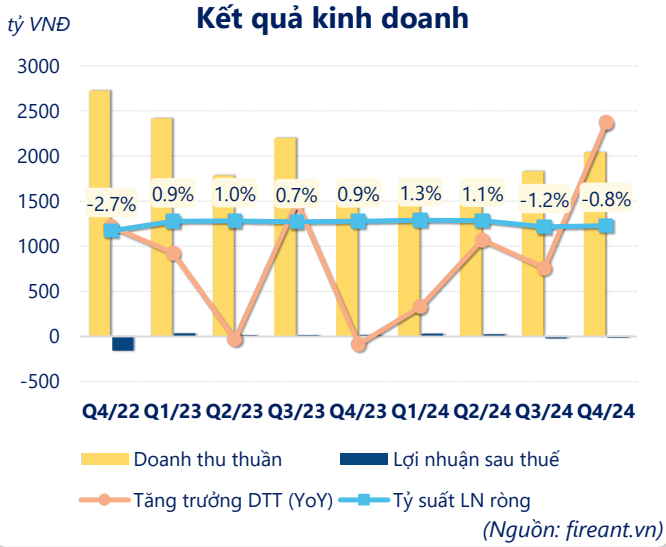
YoY ▼ 33.1 ▼ 193%

2024

LN sau thuế 17.9 *tỷ VNĐ*

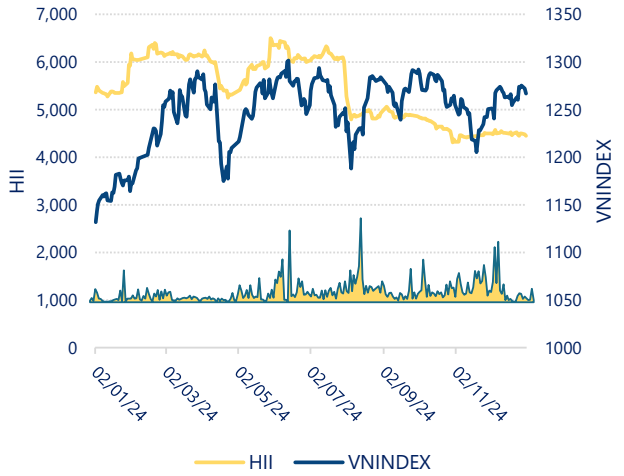
YoY ▼ 62.2 ▼ 77.7%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

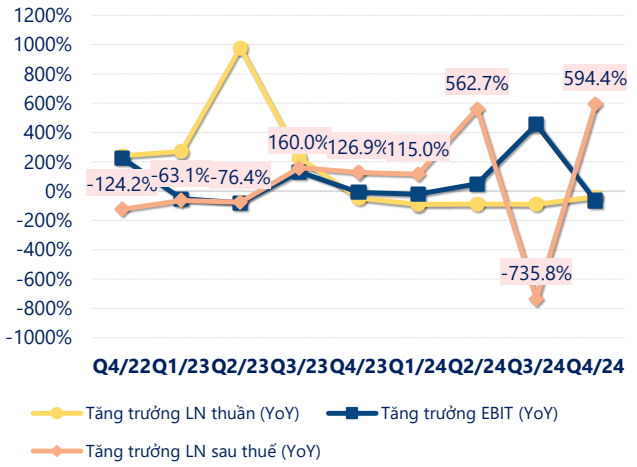
Lịch sử giá



CTCP An Tiến Industries (HSX: HII)

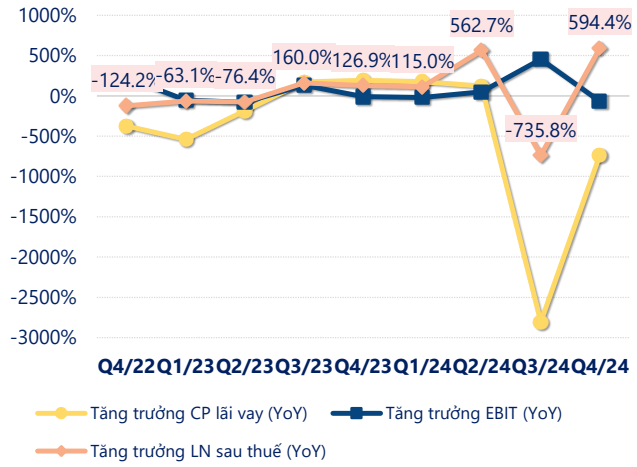
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



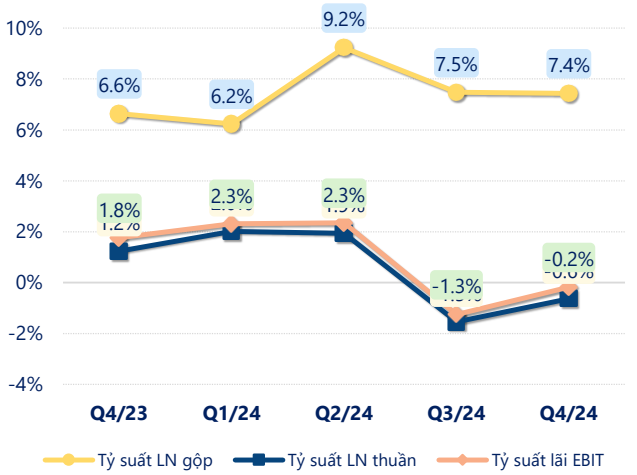
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



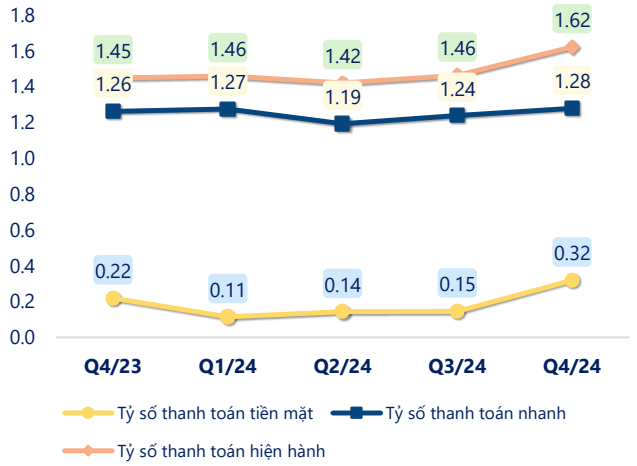
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



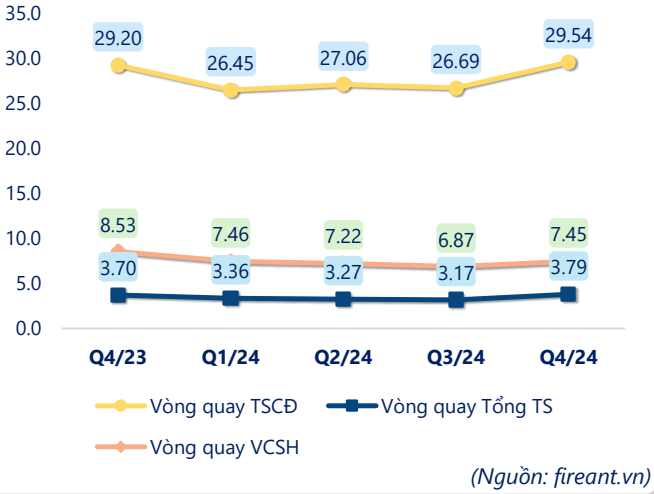
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



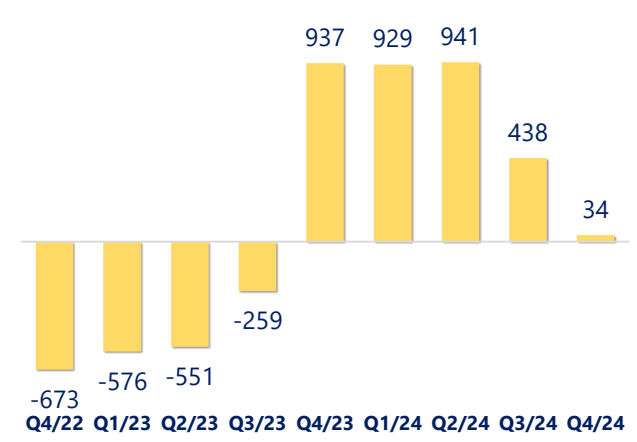
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

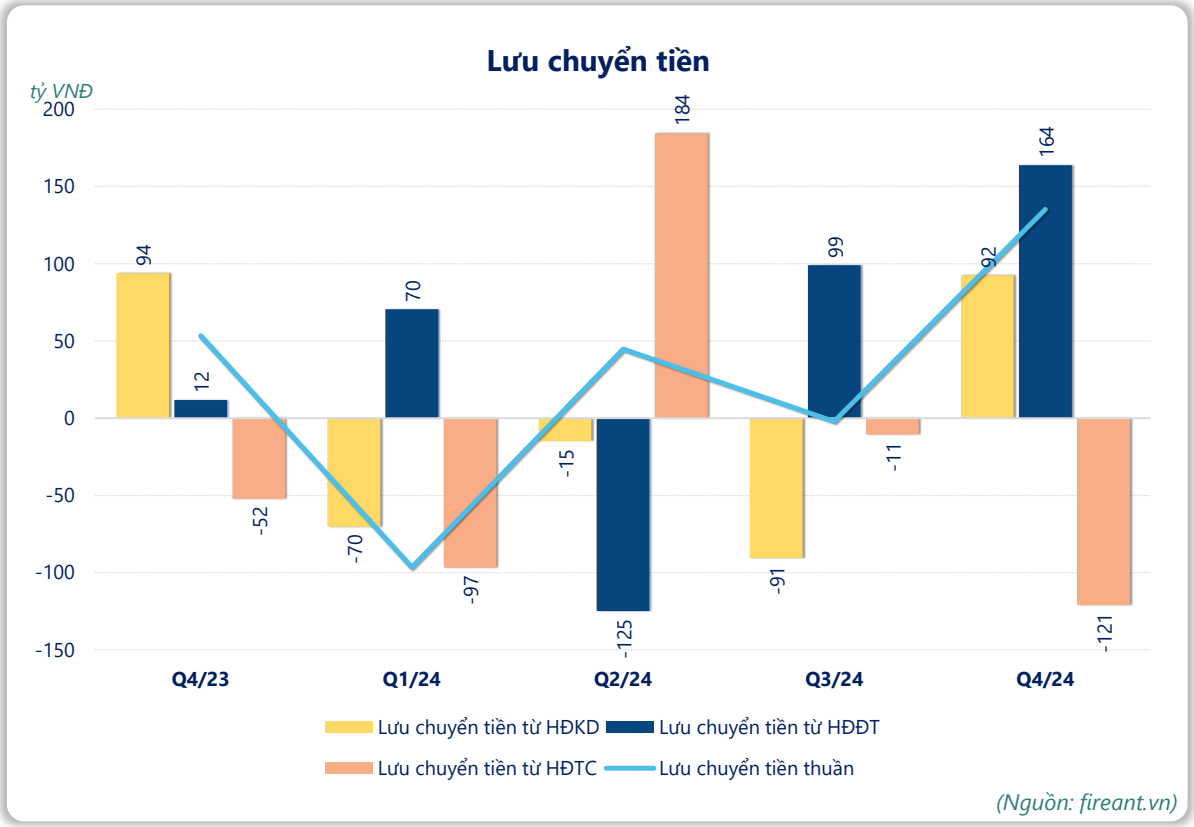


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP An Tiến Industries (HSX: HII)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,044**	**1,478**	**38.3%**	**7,206**	**7,882**	**-8.6%**
Giá vốn hàng bán	1,892	1,380	37.1%	6,660	7,462	-10.8%
Lợi nhuận gộp	152	98.1	54.9%	547	419	30.4%
Doanh thu HĐTC	18.6	11.5	61.6%	50.7	53.0	-4.3%
Chi phí TC	11.5	9.55	20.8%	32.3	55.0	-41.2%
Chi phí lãi vay	9.48	8.39	12.9%	27.5	41.7	-33.9%
LN trong công ty LKLD	**-21.1**	**3.34**	**-732%**	**-57.6**	**1.50**	**-3931%**
Chi phí bán hàng	123	63.4	93.5%	392	261	50.5%
Chi phí QLDN	**28.2**	**21.8**	**29.5%**	**90.9**	**80.8**	**12.5%**
LN thuần từ HĐKD	-13.0	18.2	-172%	24.4	77.4	-68.5%
Lợi nhuận khác	**-0.09**	**-0.63**	**86.4%**	**-1.04**	**5.99**	**-117%**
LN trước thuế	-13.1	17.6	-175%	23.4	83.4	-72.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-16.0**	**17.1**	**-193%**	**17.9**	**80.1**	**-77.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-16.1**	**13.7**	**-217%**	**2.52**	**69.3**	**-96.4%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)